

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**



**HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

**Ngành:** QUẢN LÝ VĂN HOÁ  
**Mã số:** 7229042  
**Tên cơ sở đào tạo:** ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT  
**Trình độ đào tạo:** ĐẠI HỌC

**BÌNH DƯƠNG, NĂM 2022**

# PHẦN 1

## HỒ SƠ MỞ MÃ NGÀNH

Số: /TTr-ĐHTDM

Bình Dương, ngày tháng năm

**TỜ TRÌNH**  
**XIN PHÉP MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

Tên ngành: Quản lý văn hoá Mã số: 7229042  
Trình độ đào tạo: Đại học

**Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo**

Xu hướng của nhân loại trong thế kỷ XXI là hướng tới phát triển bền vững: Phát triển về vật chất, kỹ thuật, kinh tế phải đi cùng với ổn định về văn hoá, xã hội, con người. Để có được sự phát triển bền vững đó, văn hoá đóng vai trò là một trong những nhân tố quan trọng nhất. Trong tình hình đó, công tác quản lý văn hoá đã trở thành nhu cầu và công việc hệ trọng, nó không chỉ mang ý nghĩa chính trị mà còn mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Do vậy, trên thế giới, việc nghiên cứu ứng dụng và quản lý văn hoá ngày càng phát triển và chiếm vị trí quan trọng trong chiến lược khoa học công nghệ của các đại học, các viện nghiên cứu, các quốc gia.

Ở Việt Nam, vấn đề nghiên cứu ứng dụng và quản lý văn hoá đã được đưa vào đào tạo trong các trường đại học. Đặc biệt, chuyên ngành Quản lý văn hoá đã được mở ra ở các trường đại học uy tín: Đại học Văn hoá Hà Nội, Đại học Văn hoá TP. HCM, Đại học Vinh, Đại học Tân Trào...

Trong khi đó, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tỉnh Bình Dương là một trong những đô thị mới có tốc độ phát triển nhanh nhất nước, nhưng đồng thời cũng có nguy cơ đánh mất các giá trị văn hoá đã được định hình ở nơi đây. Vì vậy, với nguồn nhân lực dồi dào trong lĩnh vực đào tạo các ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn trong nhiều năm qua, cũng như với điều kiện vật chất đầy đủ, trường Đại học Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương mạnh dạn đầu tư nhân lực và vật lực trong việc đào tạo cử nhân **Quản lý văn hoá** nhằm phục vụ nhu cầu của tỉnh cũng như toàn vùng về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu xã hội trong lĩnh vực Quản lý văn hoá. Theo

dự kiến, cho đến năm 2025, ngành cử nhân Quản lý văn hoá trường Đại học Thủ Dầu Một có thể đào tạo khoảng hơn 200 sinh viên.

## **2. Kết luận và đề nghị**

Từ những điều trên đã cho thấy, việc mở ngành đào cử nhân Quản lý văn hoá tại Trường Đại học Thủ Dầu Một là công việc cấp thiết để trường Đại học Thủ Dầu Một thực hiện được sứ mệnh của mình là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương, các tỉnh Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước.

Kính mong Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép trường Đại học Thủ Dầu Một được mở ngành đào tạo **Cử nhân Quản lý văn hoá** kể từ năm 2022. Sau khi được mở ngành đào tạo cử nhân Quản lý văn hoá, trường Đại học Thủ Dầu Một sẽ thực hiện nghiêm túc các quy chế trong công tác tuyển sinh và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trân trọng.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- CTHĐT và các PHT;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC I**  
**ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH**

## ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: **QUẢN LÝ VĂN HOÁ**; Mã số: **7229042**

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo;  
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

### I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

#### 1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

##### \* Tổng quan

- Trường Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐTTg, ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương. Trường chính thức đi vào hoạt động vào tháng 10 năm 2009.

Trường Đại học Thủ Dầu Một là trường Đại học trọng điểm đặt dưới sự quản lý của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh và các vùng phụ cận.

- Tên tiếng Anh: THU DAU MOT UNIVERSITY (TDMU)

- Cơ quan chủ quản: Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương

- Địa chỉ của Trường: Số 06, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Điện thoại: 0274.3822.518 Fax: 0274.3837.150

- Websie: <http://tdmu.edu.vn>

- Loại trường: Công lập

- Sứ mệnh của trường là Đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực.

- Về tổ chức, Bộ máy trường gồm Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, 07 khoa đa ngành, 03 viện đa chức năng, 2 viên nghiên cứu, 14 phòng ban chức năng, 11 trung tâm.

- Về nhân sự, tổng số cán bộ viên chức hiện đang làm việc tại trường là 775 cán bộ - viên chức, trong đó có 22 GS-PGS, 135 TS, 557 ThS (106 NCS). Song song với việc xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học cơ hữu, nhà trường được sự cộng tác hỗ trợ của

nhiều nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội và các trường đại học uy tín trong và ngoài nước...

- Đạt nhiều thành tích nổi bật: Năm 2014 đón nhận Huân chương Lao động Hạng nhất. Năm 2015 được kết nạp là thành viên tổ chức CDIO thế giới. Năm 2017 đạt chuẩn kiểm định chất lượng Quốc gia. Tháng 12/2017 được kết nạp là thành viên liên kết tổ chức AUN. Tháng 10/2019, trường tiến hành đánh giá ngoài chương trình đào tạo theo chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết quả đến tháng 4 năm 2021 trường có 11 ngành đạt chuẩn. Tháng 12/2019, trường đánh giá ngoài 4 chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA, kết quả đạt chuẩn 4 ngành. Tháng 8/2020, trường đạt chuẩn 4 sao UPM (University Performance Metrics).

Hiện nay, Trường đang Đào tạo: **50** chương trình đại học, 11 chương trình thạc sĩ và 01 chương trình tiến sĩ thuộc các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, ngoại ngữ, sư phạm. Quy mô của trường là 20.000 sinh viên, học viên sau đại học. Trường đã từng bước hoàn thiện lộ trình xây dựng chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy theo triết lý giáo dục hoà hợp tích cực, dựa trên sáng kiến CDIO, đáp ứng chuẩn AUN-QA. Sinh viên, học viên cao học được khuyến khích học một học phần tại các trường đối tác ở nước ngoài (Đài Loan, Singapore, Philippine...).

*Về nghiên cứu khoa học*, thực hiện chiến lược xây dựng trường thành trung tâm nghiên cứu, tư vấn có uy tín, trường đang triển khai 4 đề án nghiên cứu trọng điểm là Đề án nghiên cứu về Đông Nam Bộ, Đề án nghiên cứu Nông nghiệp chất lượng cao, Đề án nghiên cứu Thành phố thông minh Bình Dương, Đề án nghiên cứu Chất lượng giáo dục. Các đề án, công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu với ứng dụng, giữa đào tạo với sử dụng nguồn nhân lực theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hai năm liên tục, trường đều nằm trong top 50 cơ sở giáo dục có công bố quốc tế tốt nhất Việt Nam (vị trí thứ 42 năm 2018 và vị trí thứ 27 năm 2019). Năm 2021, trường xếp hạng 24/179 cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam theo bảng xếp hạng của Webometrics.

*Về hợp tác quốc tế*, trường đã thiết lập quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo với hơn 60 đơn vị giáo dục trên thế giới; đồng thời ký kết hợp tác cung ứng lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp nước ngoài đang đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Bên cạnh đó, từ năm 2010, trường hỗ trợ đào tạo cho các sinh viên nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào theo thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Bình Dương và tỉnh Champasak, cụ thể là đào tạo nguồn nhân lực ở hai lĩnh vực kinh tế và công nghệ thông tin.

- Trường đã mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức giáo dục nước ngoài nhằm tiếp cận, trao đổi chương trình đào tạo tiên tiến và trao đổi giảng viên. Trong năm học, đã thiết lập quan hệ và ký kết hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học với nhiều trường, học viện: Đại học Chung Nam (Hàn Quốc); Đại học dân tộc Quảng Tây (Trung

Quốc); Đại học Negeri Surabaya (Indonesia), Dinamika (Indonesia); GIET University (India); DESL (Myanmar)

- Lên kế hoạch triển khai các chương trình hợp tác với đối tác chiến lược:

+ Hợp tác với trường Đại học Bình Đông đào tạo Thạc sĩ giảng dạy tiếng Trung, liên kết với Đại học Triều Dương đào tạo đại học các ngành Quản lý Công nghiệp, Hóa học ứng dụng (0.5+4 hoặc 1+4).

+ Đại học Trường Vinh, Đại học Triều Dương nghiên cứu và chuyển giao cho Trường: Công nghệ bảo tồn các giống hoa lan bản địa khu vực Đông Nam bộ; công nghệ tiêu diệt côn trùng ko dùng thuốc trừ sâu; công nghệ quang học dùng trong kiểm tra và đo lường dư lượng thuốc trừ sâu trong sản phẩm nông nghiệp; chuyển giao phần mềm và kỹ thuật quản trị thư viện.

+ Các trường đại học: Kỹ thuật Cao Hùng, Trường Vinh, Tỉnh Nghi, Trung Hưng và một số doanh nghiệp tại Đài Loan đồng ý cấp học bổng cho giảng viên, sinh viên Trường sang học liên kết đại học, thạc sĩ, tiến sĩ các ngành Giáo dục học, Hành chính giáo dục, Công tác Xã hội, Trí tuệ nhân tạo AI,... và một số ngành khối Kỹ thuật, Khoa học tự nhiên, Kinh tế.

- Phối hợp với Trường Đại học Trung Hưng và Đại học Kỹ thuật Cao Hùng (Đài Loan) mở các lớp đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Thủ Dầu Một cho doanh nhân Đài Loan đang làm việc tại Việt Nam.

- Đã tổ chức cho sinh viên, học viên cao học đi thực tập, giao lưu văn hóa tại Đài Loan, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Trung Quốc;

- Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực cho nước CHDCND Lào.

Trường Đại học Thủ Dầu Một luôn nhận thức rõ những thay đổi trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh toàn cầu về phương diện quốc gia lẫn quốc tế cũng như nhu cầu cần thiết phải có một hướng tiến cận hoàn toàn mới đối với nền giáo dục đại học. Để đáp ứng khả năng và yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với công nghệ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường đã phát triển theo định hướng là Trường đại học đào tạo đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực; các chương trình đào tạo đều tiếp cận phương pháp CDIO và “hòa hợp tích cực”; đã kiểm định 4 chương trình đào tạo theo chuẩn AUN - QA; xây dựng 6 chương trình chất lượng cao và 01 chương trình liên kết đào tạo với đại học Kentucky của Hoa Kỳ; xây dựng chương trình đào tạo đại học, sau đại học cho lao động Đài Loan đang làm việc tại khu vực Đông Nam Bộ.

#### **\* Về công tác quản trị đại học**

Công tác quản trị đại học được thực hiện theo mô hình Hội đồng Trường đề ra nhiệm vụ chính trị, Ban Giám hiệu điều hành việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Các đơn vị chủ động trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động toàn diện theo chiến



lược, định hướng và chỉ đạo chung của lãnh đạo trường. Chuyển đổi mô hình quản trị cấp bộ môn thành giám đốc chương trình đào tạo để xác định rõ nét người chịu trách nhiệm chính và điều hành hoạt động toàn diện của chương trình đào tạo là giám đốc chương trình đào tạo. Hệ thống văn bản quản lý, điều hành được xây dựng có tính hệ thống và ngày càng hoàn thiện.

- Công tác quản trị đại học được thực hiện theo mô hình Hội đồng trường đề ra nhiệm vụ chính trị, Ban giám hiệu điều hành việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Các đơn vị chủ động trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động toàn diện theo chiến lược, định hướng và chỉ đạo chung của Lãnh đạo trường. Hệ thống văn bản quản lý, điều hành được xây dựng có tính hệ thống, ngày càng hoàn thiện và được cập nhật đầy đủ.

- Triển khai kế hoạch và chính sách đào tạo nguồn nhân lực cho Trường trong giai đoạn mới, theo đó tập trung thu hút và đào tạo tiến sĩ, ưu tiên tuyển chọn con cán bộ viên chức đã gắn bó lâu dài với Trường, sinh viên Trường tốt nghiệp từ loại giỏi trở lên đưa đi đào tạo thạc sĩ để tạo nguồn nhân lực bền vững.

- Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện chính sách tiền lương mới trong thời gian tới. Đã xây dựng và đưa vào áp dụng hệ thống đánh giá năng lực thực hiện công việc (KPIs) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng công việc của cán bộ, viên chức và người lao động, là cơ sở để khen thưởng, kỷ luật, đánh giá viên chức, bố trí, phân công nhiệm vụ và phân bổ thu nhập tăng thêm, từ đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy các hoạt động của Trường ngày một tiến bộ.

#### **\* Về công tác bảo đảm chất lượng**

Hiện nay, nhà trường đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho tất cả các ngành học, ở cả hệ chính quy và thường xuyên. Công tác đào tạo của trường được quản lý bằng phần mềm Edusoft, tích hợp các tiện ích: đăng ký môn học, đến nhập điểm, xem thời khóa biểu...

- Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được tiến hành nghiêm túc theo quy định và phản ánh đúng chất lượng đào tạo của Nhà trường. Đã thực hiện việc kiểm tra đánh giá hoạt động chuyên môn các khoa; khảo sát lấy ý kiến người học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan.

- Hoàn thành việc cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong và bộ công cụ khảo sát các mảng hoạt động trong Nhà trường theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài; tổ chức tập huấn nội bộ tự đánh giá cấp CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT cho nhóm công tác đảm bảo chất lượng và giám đốc các CTĐT.

- Đến 3/2022 đã có 11 chương trình đào tạo sư phạm đạt chuẩn quốc gia, 04 chương trình đào tạo đạt chuẩn AUN-QA (Kỹ thuật Phần mềm, Kỹ thuật Điện, Hóa học và Quản trị kinh doanh); Trường đạt chuẩn 4 sao nhóm các trường đại học định hướng

ứng dụng Việt Nam và ASEAN theo UPM (hệ thống xếp hạng đại học do các chuyên gia Đại học Quốc gia Hà Nội phát triển).

- Đang chuẩn bị các điều kiện cho đánh giá 04 CTĐT đại học theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT vào tháng 3/2022: Quản lý Đất đai, Quản lý Công nghiệp, Quản lý Nhà nước, Ngôn ngữ Trung Quốc.

- Đã kiểm định 05 CTĐT Thạc sĩ theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT vào tháng 2/2022: Quản lý Giáo dục, Công tác Xã hội, Quản trị Kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, Văn học Việt Nam.

- Theo kế hoạch, 8/2022, sẽ tiếp tục đánh giá theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT 03 CTĐT thạc sĩ: Kế toán, Khoa học Môi trường, Hệ thống thông tin.

## ***2. Trình bày sự cần thiết về việc mở ngành***

### ***2.1. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo***

Trường Đại học Thủ Dầu Một luôn nhận thức rõ những thay đổi trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh toàn cầu về phương diện quốc gia lẫn quốc tế cũng như nhu cầu cần thiết phải có một hướng tiến cận hoàn toàn mới đối với nền giáo dục đại học. Để đáp ứng khả năng và yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với công nghệ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường đã phát triển theo định hướng là Trường đại học đào tạo đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực;

Định hướng Chiến lược phát triển Trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2030:

- Nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế (công dân toàn cầu) và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- 100% chương trình được thiết kế theo CDIO, 75% chương trình đạt chuẩn Quốc gia, 25% chương trình chất lượng cao và đạt chuẩn AUN - QA.

- Nội dung chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến của các trường nước ngoài đã được kiểm định.

- Để nâng cao chất lượng đầu vào, vào mỗi khoá, Trường duy trì đào tạo khoảng 20.000 sinh viên hệ chính quy với khoảng 50 ngành đào tạo; 2.000 sinh viên hệ thường xuyên; 1.000 học viên cao học với khoảng hơn 20 chuyên ngành Thạc sĩ và 200 nghiên cứu sinh với 7 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ.

- Hình thành công nghệ đào tạo hiện đại, tiên tiến và chuẩn quốc tế; triển khai đồng bộ phương pháp dạy học hòa hợp tích cực. Ứng dụng công nghệ thông tin, mô hình mô phỏng trong đào tạo, đặc biệt là trong thực hành thực tập.

- Xây dựng chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Thiết kế chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng với 40% chương trình đào tạo là thực hành, thực tập.

- Công nhận môn học, chương trình đào tạo và trao đổi sinh viên với các chương trình đào tạo, trường đại học đã được kiểm định.

- Mở rộng quy mô và đa dạng hình thức đào tạo đáp ứng thị trường lao động như: Mở thêm ngành đào tạo trên cơ sở nhu cầu của xã hội; triển khai nhiều phương thức đào tạo theo nhu cầu người học;

- Minh bạch, công khai và đề cao trách nhiệm giải trình của Nhà trường với xã hội.

- Kiểm định chất lượng giáo dục theo chuẩn Quốc gia và AUN: Kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo. Kiểm định chương trình đào tạo. Khảo sát người học, khảo sát đơn vị sử dụng lao động. Tham gia xếp hạng các trường đại học trong nước và khu vực. Phát triển nguồn nhân lực đạt chuẩn, có chất lượng, đảm bảo cơ cấu theo yêu cầu phát triển của Nhà trường.

- Tổng biên chế: 900. Trong đó giảng viên 75%, viên chức hành chính 25%. 30% có trình độ từ tiến sĩ trở lên, trong đó có ít nhất 10 giáo sư, 40 phó giáo sư và 190 tiến sĩ. Giảng viên cơ hữu đảm nhận 80% khối lượng chương trình đào tạo, 20% thỉnh giảng. 100 cán bộ giảng viên được đào tạo tiến sĩ và sau tiến sĩ trong nước và nước ngoài. 100% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng về quản lý, quản trị đại học.

## *2.2 Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực ngành Quản lý văn hoá*

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển không ngừng của đất nước là hàng loạt các nhóm ngành nghề mới ra đời để đáp ứng nhu cầu cấp thiết của xã hội trong đó có ngành Quản lý văn hoá.

Bình Dương có dân số người trong độ tuổi lao động chiếm 59,9% dân số toàn tỉnh. Lao động có trình độ đại học và trên đại học là 6.272 người, chiếm 4,74% tổng số lao động; trình độ trung cấp và tương đương là 21.268 người, chiếm 16,02%. Năm 2008 tổng số lao động sử dụng của tỉnh là 695.478 người, chiếm 62,86% dân số toàn Tỉnh. So với năm 2001, số lao động sử dụng năm 2008 tăng thêm 71,1%. Mặc dù có số lượng lao động dồi dào nhưng nhìn chung nguồn lao động có trình độ, có tay nghề còn thiếu và yếu. Việc đào tạo nghề còn gặp nhiều khó khăn, do đó, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế. Để đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực hiện nay tỉnh Bình Dương đã có nhiều biện pháp thu hút lao động từ các tỉnh trong cả nước, điều này cũng đã tạo một áp lực rất lớn đối với Bình Dương trong quá trình đảm bảo tình hình ổn định chính trị xã hội.

Cơ cấu lao động của Tỉnh đang chuyển dịch theo hướng giảm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng lao động trong 2 khu vực công nghiệp và dịch vụ. Đặc biệt tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp liên tục tăng mạnh thể hiện sự phát triển mạnh mẽ của khu vực này.

Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là tỉnh có mức độ phát triển kinh tế - xã hội cao; thời gian qua, đã triển khai Chương trình hành động về hội nhập kinh tế quốc tế và đạt được rất nhiều thành tựu quan trọng. Với chính sách “Trái chiếu hoa mời gọi đầu tư”, Bình Dương đã nổi lên như một hiện tượng về thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư, thực hiện hiệu quả đường lối đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới. Thực tế đó đặt ra bài toán cung cấp nguồn nhân lực phục vụ cho lĩnh vực hoạt động gắn với yếu tố nước ngoài không chỉ ở Bình Dương mà rộng hơn còn cho cả khu vực Đông Nam Bộ, nhưng hiện nay, mức độ đào tạo có tính hệ thống, chuyên nghiệp cung cấp nhân lực đảm bảo yêu cầu này chưa được thực hiện đúng mức.

Theo báo cáo về tình hình kinh tế văn hóa xã hội của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ngày 5 tháng 7 năm 2018, hiện tỉnh đứng đầu cả nước về khu công nghiệp với 33.548 doanh nghiệp trong nước và 3.397 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế luôn cần được song hành với với ổn định về văn hoá, xã hội, con người. Sự phát triển về khoa học tự nhiên và công nghệ phải song hành và kết hợp với sự phát triển về khoa học xã hội và nhân văn. Khoa học xã hội và nhân văn phải là nền tảng, cơ sở và điều kiện mang tính quyết định cho sự hoàn thiện và phát triển tổ chức xã hội, là đòn bẩy cho sự phát triển và ứng dụng có hiệu quả thành tựu của các ngành khoa học khác.

Để có được sự phát triển bền vững đó, **văn hoá** đóng vai trò là một trong những nhân tố quan trọng nhất. Mặt khác, những xung đột đang xảy ra khắp nơi trên thế giới hiện nay về tôn giáo, dân tộc đều có một phần nguyên nhân từ văn hoá. Theo đó, công tác **quản lý văn hoá** trở thành một vấn đề cần phải được đánh giá nghiêm túc, đặc biệt là quản lý đời sống văn hoá cộng đồng. Do vậy, không chỉ trên thế giới, việc nghiên cứu ứng dụng và quản lý văn hoá ngày càng phát triển và chiếm vị trí quan trọng trong chiến lược khoa học công nghệ của các đại học, các viện nghiên cứu, các quốc gia.

Ở Việt Nam, vấn đề nghiên cứu ứng dụng và quản lý văn hoá đã được đưa vào đào tạo trong các trường đại học. Đặc biệt, chuyên ngành **Quản lý văn hoá** đã được mở ra ở các trường đại học uy tín: Đại học Văn hoá Hà Nội, Đại học Văn hoá TP. HCM, Đại học Vinh, Đại học Tân Trào...

Trong khi đó, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tỉnh Bình Dương là một trong những đô thị mới có tốc độ phát triển nhanh nhất nước, nhưng đồng thời cũng có nguy cơ đánh mất các giá trị văn hoá đã được định hình ở nơi đây. Vì vậy,

với nguồn nhân lực dồi dào trong lĩnh vực đào tạo các ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn trong nhiều năm qua, cũng như với điều kiện vật chất đầy đủ, trường Đại học Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương mạnh dạn đầu tư nhân lực và vật lực trong việc đào tạo cử nhân ***Quản lý văn hoá*** nhằm phục vụ nhu cầu của tỉnh cũng như toàn vùng về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu xã hội trong lĩnh vực Quản lý văn hoá.

Với tất cả những nhận định, lập luận dựa trên cơ sở nghiên cứu khách quan nêu trên, có thể nói việc mở ngành Quản lý văn hoá trình độ Đại học tại trường Đại học Thủ Dầu Một hiện nay nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội là rất cần thiết. Với những điều kiện đang có được, ngành Quản lý văn hoá trường đại học Thủ Dầu Một sẽ trở thành một trong những địa chỉ tin cậy, có năng lực đào tạo vững vàng, có cách tiếp cận thực tiễn xã hội hiệu quả, để từ đó đào tạo ra nguồn lực hiệu quả cao, đáp ứng tốt cho nhu cầu của xã hội.

## **II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo**

### ***1. Năng lực của cơ sở đào tạo:***

#### *1.1. Về nhân sự*

Tổng số nhân sự hiện đang làm việc tại trường đại học Thủ Dầu Một hiện 775 cán bộ - viên chức, trong đó có 22 GS-PGS, 135 TS, 557 ThS (106 NCS).

Liên quan trực tiếp đến ngành Quản lý văn hoá trường Đại học Thủ Dầu Một có 15 giảng viên, trong đó có 4 tiến sĩ và 11 thạc sĩ. Tất cả các giảng viên trên đều là giảng viên cơ hữu tại trường, có đầy đủ bằng cấp chuyên môn và các chứng chỉ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu thông tư số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của giảng viên, đã có kinh nghiệm đứng lớp nhiều năm đồng thời có kinh nghiệm, kết quả nhất định trong công tác nghiên cứu khoa học; đảm bảo việc phụ trách các học phần trong Chương trình.

Ngoài ra, để đảm bảo công tác đào tạo, khoa phụ trách còn nhận được sự hỗ trợ từ các khoa, viện, trung tâm, phòng, ban trong trường về lực lượng giảng viên phù hợp cho việc giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, liên ngành, cơ sở ngành cũng như một số môn chuyên ngành.

Song song với việc xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học cơ hữu, nhà trường được sự cộng tác hỗ trợ của nhiều nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội và các trường đại học uy tín trong và ngoài nước.

#### *1.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo*

**\* Tổng quan về cơ sở vật chất hiện có:** Tổng diện tích: 643.630,5 (m<sup>2</sup>)

+ Phòng học/ giảng đường: 175. Diện tích: 22.849 (m<sup>2</sup>).

- + Hội trường: 2. Diện tích: 179.8 (m<sup>2</sup>).
- + Phòng thí nghiệm: 57. Diện tích: 6.898,9 (m<sup>2</sup>).
- + Xưởng thực hành/ vườn, trại thực nghiệm: 60. Diện tích: 6122.5 (m<sup>2</sup>).
- + Trung tâm học liệu: 5. Diện tích: 1.980 (m<sup>2</sup>).
- + Phòng học đa chức năng: 17. Diện tích: 1481,6 (m<sup>2</sup>).
- + Sân thể thao ngoài trời: 11. Diện tích: 22.073 (m<sup>2</sup>).
- + Căn tin, cửa hàng tiện lợi: 2. Diện tích: 619,2 (m<sup>2</sup>).
- + Phòng học ngoại ngữ: 20 phòng (600 m<sup>2</sup>)

+ Phòng máy tính: 12 phòng với 1.178 máy tính, trong đó có 718 máy tính được nối mạng; 168 máy in, 24 máy scan, 11 máy photocopy, 02 cổng điện tử nhận điện chip điện tử, 05 máy quét mã vạch sử dụng cho Thư viện điện tử.

**\* Trung tâm Thông tin Thư viện**

- + Diện tích thư viện: 1.980 m<sup>2</sup>;      Diện tích phòng đọc: 1.410 m<sup>2</sup>
- + Số chỗ ngồi: 468                      ;      Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40
- + Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0
- + Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn;
- + Tài liệu điện tử: sách 2.750, bài báo 5.600

Riêng đối với ngành Quản lý văn hoá, hệ thống tài liệu tại thư viện cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy và học tập, nghiên cứu của sinh viên. Hằng năm, thư viện đều tiến hành cập nhật, bổ sung tài liệu trên cơ sở đề xuất từ các giảng viên, Bộ môn, Khoa và thông tin từ các đơn vị xuất bản trong cả nước.

Ngoài ra, Trường Đại học Thủ Dầu Một đang đưa vào sử dụng cơ sở hai tại Khu Đô thị và Công nghiệp Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

Tổng diện tích khu đất khoảng 57,6 hecta, được quy hoạch xây dựng định hình rõ 03 khu vực: Khu vực xây dựng Trường Đại học, khu vực xây dựng Ký túc xá sinh viên, khu vực xây dựng Trường phổ thông năng khiếu Đại học Thủ Dầu Một. Quy mô từng dự án cụ thể như sau:

+ **Công trình - Trường Đại học Thủ Dầu Một:** Quy mô sinh viên: 24.500 SV.  
Diện tích đất xây dựng công trình: 86.114,52 m<sup>2</sup>

- Tổng diện tích sàn xây dựng : 241.936,3 m<sup>2</sup>
- Tổng giá trị xây dựng công trình khoảng 2.600 tỷ đồng

+ **Công trình - Trường phổ thông Năng khiếu:** quy mô 1.620 học sinh

+ **Công trình - Ký túc xá sinh viên:** quy mô 14.000 chỗ ở.

### 1.3. Công tác nghiên cứu khoa học

Nhà trường đã huy động tối đa các nguồn lực tài chính và con người của cả nước để thực hiện các dự án khoa học. Kết quả như sau:

- Hoạt động khoa học đã đi đúng chiến lược nghiên cứu của Nhà trường về: (1) Đông Nam Bộ – Vùng thành phố Hồ Chí Minh, (2) Thành phố thông minh – Đại học thông minh, (3) Nông nghiệp đô thị, chất lượng cao, (4) Chất lượng giáo dục nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương, khu vực Đông Nam Bộ - vùng thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong năm qua, Trường đã thực hiện 160 đề tài cấp cơ sở, trong đó, số đề tài được ký hợp đồng thực hiện là 68 đề tài, số đề tài nghiệm thu là 38 đề tài. Số đề tài/ dự án cấp Bộ/ Tỉnh, Nhà nước đã được Trường đăng ký thực hiện là 24 đề tài, trong đó có 02 đề tài đang thực hiện nghiệm thu công nhận là đề tài cấp tỉnh Bình Dương, 01 dự án do VinIF tài trợ, 01 đề tài độc lập cấp Nhà nước, 02 đề tài do Nafosted tài trợ, 01 đề tài cấp tỉnh Bến Tre, 02 dự án do Erasmus+ tài trợ được giao chủ trì thực hiện, 01 dự án phối hợp do Công ty Robot3T chủ trì; 15 đề tài đang trong quá trình xét duyệt đề xuất, giao nhiệm vụ nghiên cứu.

- Về công bố khoa học, tổng số lượng bài báo của cán bộ, giảng viên trong trường và cán bộ hợp tác đã công bố trên các tạp chí quốc tế là 446 bài; trong nước là 332 bài.

- Đã tổ chức thành công 18 hội thảo, hội nghị khoa học (02 quốc tế, 03 quốc gia, 13 cấp trường), 01 toạ đàm quốc tế, 02 ngày hội thảo khoa học, 01 triển lãm mỹ thuật và 01 chương trình “Nâng cao năng lực viết bài công bố quốc tế”.

### 1.4. Về hợp tác quốc tế

- Trường đã mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức giáo dục nước ngoài nhằm tiếp cận, trao đổi chương trình đào tạo tiên tiến và trao đổi giảng viên.

- Lên kế hoạch triển khai các chương trình hợp tác với đối tác chiến lược:

+ Hợp tác với trường Đại học Bình Đông (Pingtung University) đào tạo Thạc sĩ giảng dạy tiếng Trung, liên kết với Đại học Triều Dương đào tạo đại học các ngành Quản lý Công nghiệp, Hóa học ứng dụng (0.5+4 hoặc 1+4).

+ Đại học Trường Vinh (Chang Jung Christian University), Đại học Triều Dương (Chaoyang University) nghiên cứu và chuyển giao cho Trường: Công nghệ bảo tồn các giống hoa lan bản địa khu vực Đông Nam bộ; công nghệ tiêu diệt côn trùng ko dùng thuốc trừ sâu; công nghệ quang học dùng trong kiểm tra và đo lường dư lượng thuốc trừ sâu trong sản phẩm nông nghiệp; chuyển giao phần mềm và kỹ thuật quản trị thư viện.

+ Các trường đại học: Kỹ thuật Cao Hùng (National Kaohsiung University), Trường Vinh (Chang Jung Christian University), Trung Hưng (National Chung Hsing University) và một số doanh nghiệp tại Đài Loan đồng ý cấp học bổng cho giảng viên, sinh viên Trường sang học liên kết đại học, thạc sĩ, tiến sĩ các ngành Giáo dục học, Hành chính giáo dục, Công tác Xã hội, Trí tuệ nhân tạo AI,... và một số ngành khối Kỹ thuật, Khoa học tự nhiên, Kinh tế.

- Phối hợp với Trường Đại học Trung Hưng và Đại học Kỹ thuật Cao Hùng (Đài Loan) mở các lớp đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Thủ Dầu Một cho doanh nhân Đài Loan đang làm việc tại Việt Nam.

- Đã tổ chức cho sinh viên, học viên cao học đi thực tập, giao lưu văn hóa tại Đài Loan, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Trung Quốc.

- Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực cho nước CHDCND Lào.

### ***1.5. Giới thiệu về khoa Công nghiệp Văn hóa***

#### *Ban Chủ nhiệm Khoa*

☐ Trưởng Khoa : TS. Nguyễn Văn Thủy

#### *Chức năng, nhiệm vụ của Khoa*

Khoa Công nghiệp văn hóa là đơn vị hành chính cơ sở của trường có nhiệm vụ sau đây:

☐ Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Công nghiệp văn hóa, kế hoạch giảng dạy, học tập.

☐ Tổ chức, chủ trì quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình.

☐ Tổ chức hoạt động khoa học công nghệ, chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế, phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội.

☐ Quản lý giảng viên, nhân viên và sinh viên theo phân cấp của hiệu trưởng.

☐ Quản lý chất lượng, nội dung, phương pháp đào tạo và nghiên cứu khoa học.

☐ Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình môn học do hiệu trưởng giao, tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập; đề xuất kế hoạch bổ sung thiết bị, giáo trình phục vụ giảng dạy.



## **2. Mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở:**

Với những điều kiện có sẵn, cũng như với sự nỗ lực phát huy năng lực, chúng tôi mong muốn ngành Quản lý văn hoá trường Đại học Thủ Dầu Một có thể được cho phép mở trong kì tuyển sinh năm 2022. Trong kì tuyển sinh năm 2022 này, dự kiến sẽ lấy từ 40 đến 50 chỉ tiêu. Trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, ngành Quản lý văn hoá trường Đại học Thủ Dầu Một dự kiến sẽ mở rộng quy mô tuyển sinh, mỗi khoá tuyển từ 50 đến 70 chỉ tiêu.

### **Chương trình đào tạo và Kế hoạch đào tạo:**

Chương trình được xây dựng trên cơ sở chương trình khung ngành Quản lý văn hoá của Bộ Giáo dục và đào tạo, tham khảo mô hình và chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo uy tín trong nước cũng như khảo sát ý kiến từ đại diện các đơn vị sử dụng lao động và đã thông qua sự thẩm định về mặt chuyên môn một cách chặt chẽ của các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực. Chương trình được thiết kế với 133 tín chỉ (bao gồm 13 tín chỉ xét điều kiện ra trường: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng an ninh), không bao gồm Kỹ năng xã hội, Ngoại ngữ không chuyên, Tin học. Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương (18TC), Kiến thức cơ sở ngành (38TC), cốt lõi chuyên ngành (54TC), thực tập tại cơ sở (5TC), đồ án tốt nghiệp (5TC). Với cơ cấu như vậy, sinh viên được trang bị hệ thống kiến thức liên ngành về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, nghệ thuật và kiến thức chuyên sâu Quản lý văn hoá nhằm phục vụ cho nhiều lĩnh vực liên đới, có năng lực thực hành về khả năng quản lý văn hoá, đủ kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn và có sự linh hoạt trong hoạt động sáng tạo các sản phẩm phù hợp có liên quan đến công tác quản lý văn hoá. Đồng thời, thông qua chương trình đào tạo, sinh viên sẽ có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập toàn cầu về lĩnh vực Quản lý văn hoá nhằm đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng trong tương lai.

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề và tương đương; đáp ứng các qui định về sức khỏe và các điều kiện dự thi khác theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính qui hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đạt điểm chuẩn trúng tuyển do Trường qui định.

Thời gian đào tạo: 4 năm (12 học kỳ).

## **3. Giải pháp và lộ trình thực hiện:**

Giải pháp thực hiện: Để thực hiện việc mở ngành Quản lý văn hoá, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã chuẩn bị đầy đủ nguồn nhân lực, vật lực, cũng như đã tiến hành các khâu điều tra khảo sát nhu cầu của thị trường lao động tại tỉnh Bình Dương nói riêng và khu vực Nam Bộ nói chung. Nhóm soạn thảo đã tiến hành phân chia công việc theo năng lực của từng thành viên. Các thành viên đã liên hệ các đơn vị chức năng để lấy dữ

liệu, thông tin liên quan, cũng như đã tham khảo khung chương trình của các trường đại học trong và ngoài nước có đào tạo ngành Quản lý văn hoá và các ngành gần.

Lộ trình xây dựng đề án mở ngành đào tạo:

Trước tháng 31/3/2022: hoàn thành đề án mở ngành, khung chương trình đào tạo cùng với các phụ lục và các mẫu hồ sơ khác.

Trước 15/4/2022: hoàn thành việc thẩm định chương trình đào tạo.

Trước 30/4/2022: gửi đề án mở ngành đến Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trước 15/8/2022: hoàn thành việc tuyển sinh đầu vào khoá 2022, chuẩn bị đào tạo chính thức.

Năm 2027: tiến hành kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ.

#### **4. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro:**

Trong quá trình xây dựng đề án mở ngành đào tạo đại học Quản lý văn hoá, nếu đề án vẫn chưa được thông qua mà đã có nhiều hồ sơ đăng ký theo học, từ đó dẫn đến việc đào tạo ngành Quản lý văn hoá bị chậm trễ so với kế hoạch dự kiến, thì bộ phận Tư vấn tuyển sinh của nhà trường sẽ liên hệ tư vấn cho thí sinh chuyển đổi ngành học phù hợp.

### **III. Đề nghị và cam kết thực hiện**

1. Trong giai đoạn hiện nay và thời gian sắp tới, tỉnh Bình Dương và các khu vực lân cận có nhu cầu rất lớn về nguồn nhân lực ngành Quản lý văn hoá. Trong khi đó, đội ngũ quản lý văn hoá tại các thiết chế văn hoá, các đơn vị hành chính sự nghiệp phần lớn được đào tạo từ các ngành gần (Lịch sử, Văn hoá học, Công tác xã hội...), do vậy, cần có đội ngũ nhân lực đúng chuyên môn để kế tục sự nghiệp quản lý văn hoá.

Nhận thấy được vấn đề trên, trường Đại học Thủ Dầu Một và đã đầu tư vào cơ sở vật chất, chuẩn bị đầy đủ về đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, xây dựng chương trình đào tạo thích hợp nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Quản lý văn hoá và cam kết luôn đảm bảo và nâng cao tất cả các điều kiện phục vụ thực hiện mục tiêu chương trình đào tạo.

Trường Đại học Thủ Dầu Một đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo ngành Quản lý văn hoá tại địa chỉ website <https://tdmu.edu.vn/tt36>.

2. Xét thấy đã đáp ứng được tất cả các yêu cầu cho việc mở ngành đào tạo như đã trình bày ở trên, Trường Đại học Thủ Dầu Một kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý cho Trường Đại học Thủ Dầu Một được mở ngành đào tạo Quản lý văn hoá trình độ Đại học, bắt đầu thực hiện từ năm học 2022-2023.

3. Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép cho Trường Đại học Thủ Dầu Một được mở ngành đào tạo Quản lý văn hoá trình độ Đại học, Trường Đại học Thủ Dầu Một cam kết sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy để bắt đầu thực hiện công tác tuyển sinh và đào tạo từ năm học 2022-2023.

Trân trọng.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- CTHĐT và các PHT;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Ngô Hồng Điệp**

# **PHỤ LỤC II**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

## CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm quyết định số: ...../QĐ-ĐHTDM, ngày .... tháng ... năm 20...  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

**Tên chương trình:** QUẢN LÝ VĂN HOÁ  
**Trình độ đào tạo:** Cử nhân  
**Ngành đào tạo:** QUẢN LÝ VĂN HOÁ  
**Mã ngành:** 7229042  
**Loại hình đào tạo:** Chính quy  
**Khóa:** 2022-2026

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chương trình

##### *Mục tiêu chung*

##### *Giai đoạn 1:*

Đào tạo nguồn nhân lực có **kiến thức** chung về chính trị - kinh tế - văn hoá - xã hội - công nghệ - nghệ thuật, từ đó **chỉ ra** được các nét đặc thù của nhóm ngành Công nghiệp văn hóa trong quá trình phát triển ở Việt Nam; đạt được **kĩ năng vận dụng** một cách sáng tạo đối với các tài nguyên văn hóa Việt Nam để phục vụ vào việc phát triển kinh tế xã hội; đồng thời có **ý thức** tích cực trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội.

##### *Giai đoạn 2:*

Đào tạo cử nhân ngành Quản lý văn hóa có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về Quản lý văn hóa và các lĩnh vực liên ngành; có kỹ năng thành thạo về lĩnh vực **quản lý văn hoá cộng đồng, quản lý văn hoá truyền thông - nghệ thuật, quản lý văn hoá kinh doanh - du lịch**; có ý thức tích cực trong quá trình công tác.

##### *Mục tiêu cụ thể*

PO1	Vận dụng các khối kiến thức vào các hoạt động thực tiễn thuộc các lĩnh vực <b>quản lý văn hoá cộng đồng, quản lý văn hoá truyền thông - nghệ thuật, quản lý văn hoá kinh doanh - du lịch</b> , bao gồm: kiến thức chung và liên ngành; kiến thức ngoại ngữ và công nghệ thông tin; kiến thức chuyên ngành Quản lý văn hoá.
-----	--

PO2	Đào tạo cử nhân Quản lý văn hoá có kỹ năng vận dụng đa phương tiện vào quá trình giao tiếp, hội nhập và vận dụng kiến thức liên ngành về chính trị, nghệ thuật, Khoa học Xã hội nhân văn vào các hoạt động thực tiễn.
PO3	Đào tạo cử nhân Quản lý văn hoá có kỹ năng tổng hợp được kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực quản lý văn hoá, đồng thời tạo ra được các sản phẩm quản lý văn hoá phù hợp với nhu cầu thực tế.
PO4	Đào tạo cử nhân Quản lý văn hoá có phẩm chất tốt, có tinh thần trách nhiệm và có ý thức tích cực của một công dân trong xã hội.

## 1.2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn tất chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

<b>Kiến thức</b>	
<b>ELO1:</b> <i>Áp dụng</i> được kiến thức về chính trị, nghệ thuật, khoa học Xã hội - Nhân văn vào các hoạt động thực tiễn.	1.1. <i>Áp dụng kiến thức chính trị vào việc định hướng lý tưởng trong đời sống thực tiễn.</i>
	1.2. <i>Áp dụng kiến thức nghệ thuật, khoa học Xã hội - Nhân văn vào nghề nghiệp.</i>
<b>ELO2:</b> <i>Vận dụng</i> hiệu quả kiến thức Quản lý văn hoá phục vụ cho công tác quản lý văn hoá cộng đồng.	2.1. <i>Vận dụng kiến thức về quản lý văn hoá vào việc xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý tổ chức cộng đồng.</i>
	2.2. <i>Vận dụng kiến thức về quản lý văn hoá vào việc xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý phát triển cộng đồng.</i>
<b>ELO3:</b> <i>Vận dụng</i> hiệu quả kiến thức Quản lý văn hoá phục vụ cho công tác quản lý truyền thông - nghệ thuật.	3.1. <i>Vận dụng kiến thức về quản lý văn hoá vào việc xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý truyền thông – sự kiện.</i>
	3.2. <i>Vận dụng kiến thức về quản lý văn hoá vào việc xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý các hoạt động nghệ thuật.</i>
<b>ELO4:</b> <i>Chỉ ra</i> vai trò của văn hoá trong lĩnh vực quản lý văn hoá kinh doanh - du lịch.	4.1. <i>Chỉ ra vai trò của quản lý văn hoá trong lĩnh vực kinh doanh.</i>
	4.2. <i>Chỉ ra vai trò của quản lý văn hoá trong lĩnh vực du lịch.</i>
<b>Kỹ năng</b>	
<b>ELO5:</b> <i>Sử dụng</i> đa phương tiện một cách	5.1. <i>Sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả vào quá trình giao tiếp giữa các chủ thể văn hoá nhằm thích ứng với việc hội nhập văn hoá.</i>

hiệu quả vào quá trình giao tiếp và hội nhập.	5.2. <i>Sử dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả trong công việc.</i>
<b>ELO6: Vận dụng</b> linh hoạt kiến thức liên ngành chính trị - nghệ thuật - khoa học Xã hội và Nhân văn vào hoạt động thực tiễn.	6.1. <i>Tổng hợp kiến thức chính trị vào hoạt động thực tiễn một cách linh hoạt.</i>
	6.2. <i>Tổng hợp kiến thức nghệ thuật, khoa học Xã hội - Nhân văn vào hoạt động thực tiễn một cách linh hoạt.</i>
<b>ELO7: Tích hợp</b> kiến thức Quản lý văn hoá một cách hiệu quả vào quá trình thực hiện các công việc thực tế.	7.1. <i>Thích ứng với việc chuẩn bị, thực hiện, giải quyết các công việc thuộc mảng quản lý văn hoá.</i>
	7.2. <i>Điều chỉnh cách chuẩn bị, thực hiện, giải quyết các công việc thuộc mảng quản lý văn hoá.</i>
<b>ELO8: Thiết kế</b> hoàn chỉnh các sản phẩm quản lý văn hoá phù hợp với thực tế của xã hội.	8.1. <i>Thiết kế hiệu quả các sản phẩm hỗ trợ cho công tác quản lý văn hoá cộng đồng – truyền thông – nghệ thuật.</i>
	8.2. <i>Thiết kế hiệu quả các sản phẩm hỗ trợ cho công tác quản lý văn hoá kinh doanh - du lịch.</i>
<b>Thái độ</b>	
<b>ELO9: Giữ gìn</b> phẩm chất đạo đức, lối sống; có tinh thần trách nhiệm.	9.1. <i>Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, lối sống lành mạnh.</i>
	9.2. <i>Xây dựng tinh thần tự chịu trách nhiệm đối với tương lai của bản thân.</i>
<b>ELO10: Thể hiện</b> rõ ý thức tích cực của công dân trong xã hội hiện đại.	10.1. <i>Thể hiện ý thức chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước; tuân thủ quy định, quy chế của đơn vị công tác.</i>
	10.2. <i>Thể hiện tác phong công nghiệp, đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại.</i>

### 1.3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Quản lý văn hoá có thể đảm nhiệm các công việc sau:

#### 1.1. Lĩnh vực quản lý văn hoá cộng đồng

- Chuyên viên quản lý văn hoá tại các cơ quan đơn vị thuộc Sở Văn hoá - Thể thao - Du lịch (như Phòng quản lý văn hóa, quản lý di sản văn hóa, quản lý du lịch, quản lý thể thao); các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hoá - Thể thao - Du lịch (như Bảo tàng - Khu di tích; Thư viện; Trung tâm Văn hóa nghệ thuật; các phòng Văn hoá - Thông tin thành phố huyện thị; Ban tuyên truyền văn hoá; Ban tuyên giáo...);

- Chuyên viên hành chính tại các cơ quan đơn vị thuộc Bộ Thông tin và truyền thông, các tổ chức phát triển văn hoá cộng đồng ở các cấp (như Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân).

### 1.2. Lĩnh vực quản lý văn hoá truyền thông - nghệ thuật

- Chuyên viên quản lý các dự án văn hoá nghệ thuật;
- Biên tập viên, người dẫn chương trình, phóng viên mảng xã hội - văn hoá - nghệ thuật - du lịch (tại đài truyền hình, toà soạn, các đơn vị truyền thông);
- Nhân viên tổ chức sự kiện tại các đơn vị truyền thông, các công ty tổ chức sự kiện, các đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

### 1.3. Lĩnh vực quản lý văn hoá kinh doanh - du lịch

- Nhân viên marketing văn hoá nghệ thuật;
- Hướng dẫn viên du lịch;
- Nhân viên tổ chức thiết kế và điều hành tour du lịch.

**1.4. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học:** Theo quy định về chuẩn đầu ra của Trường.

**1.5. Bằng cấp:** Cử nhân.

**2. Thời gian đào tạo:** 12 học kỳ.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 133 tín chỉ.

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, trúng tuyển trong kỳ tuyển sinh của trường Đại học Thủ Dầu Một.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường.

**6. Thang điểm:** Theo quy chế hiện hành về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường.

## 7. Nội dung chương trình

### Cấu trúc chương trình đào tạo

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối lượng kiến thức toàn khóa (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục đại cương (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục chuyên ngành			
				102			
				Kiến thức cơ sở ngành (TC)	Kiến thức chuyên ngành (TC)	Thực tập doanh nghiệp (TC)	Báo cáo tốt nghiệp (TC)
Đại học	4 năm (12 HK)	133 (120 TC chính thức + 13 TC xét ra trường)	31 (18 TC toàn trường + 13 TC xét ra trường)	38	54	5	5

### 7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 31 TC (Bắt buộc: 31 TC; Tự chọn: 0 TC)

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết	Loại HP	Điều Kiện	Học kỳ (dự kiến)
------	-------------	--------------	------------	---------	---------	-----------	------------------



				Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	0	X				1.2
2		Tư duy biện luận ứng dụng	2	30	0	X				2.1
3		Triết học Mác – Lênin	3	45	0	X				2.2
4		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	X				2.3
5		Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam Bộ	2	30	0	X				3.1
6		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	X				3.1
7		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	X				3.2
8		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	X				3.3
9		Giáo dục thể chất	2	30	0	X				1.2
10		Giáo dục quốc phòng an ninh	5	75	0	X				1.3
11		Thực hành giáo dục quốc phòng an ninh	3	0	90	X				1.3
12		Thực hành giáo dục thể chất	3	0	90	X				2.2
<b>Tổng cộng</b>			<b>31</b>	<b>375</b>	<b>180</b>					

**7.2. Kiến thức cơ sở ngành: 38 TC (Bắt buộc: 34 TC; Tự chọn: 4 TC)**

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều Kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Nhập môn ngành Công nghiệp Văn hoá	2	30	0	X				1.1
2		Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	0	X				1.1
3		Tâm lí học nghệ thuật	2	30	0	X				1.1
4		Quản lý học	2	30	0	X				1.1
5		Phong tục và lễ hội	2	0	60	X				1.1
6		Xử lý ảnh Photoshop	3	0	90	X				1.2
7		Các vùng văn hoá và văn hoá các tộc người Việt Nam	2	30	0	X				1.2
8		Điền dã di sản văn hoá	2	0	60	X				1.2
9		Biểu tượng học	2	30	0		X			1.2
10		Luật sở hữu trí tuệ	2	30	0		X			1.2
11		Văn hoá học đại cương	2	30	0	X				1.3
12		Kinh tế học phát triển	2	30	0	X				2.1

13		Tài nguyên văn hoá Việt Nam	2	30	0	X				2.1
14		Thiết kế vector Illustrator	3	0	90	X				2.1
15		Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0	X				2.1
16		Lịch sử văn hoá Việt Nam	2	30	0	X				2.2
17		Nghệ thuật học	2	30	0	X				2.2
18		Dân tộc học	2	30	0		X			2.2
19		Công tác xã hội	2	30	0		X			2.2
20		Nhiếp ảnh	2	0	60		X			2.2
21		Biên tập và kỹ xảo phim	2	0	60		X			2.2
<b>Tổng cộng</b>			<b>44</b>	<b>450</b>	<b>420</b>					

### 7.3 Kiến thức chuyên ngành: 54 TC (Bắt buộc: 32 TC; Tự chọn: 22 TC)

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều Kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Quản lý nhà nước về văn hoá	2	30	0	X				2.3
2		Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	2	30	0	X				2.3
3		Văn hoá dân gian Việt Nam	2	30	0		X			2.3
4		Văn hoá đô thị Việt Nam	2	30	0		X			2.3
5		Văn hoá ẩm thực	2	30	0		X			2.3
6		Văn hoá Nam Bộ	2	30	0		X			2.3
7		Xây dựng đời sống văn hoá cộng đồng	2	0	60	X				3.1
8		Quản lý di sản văn hoá	2	0	60	X				3.1
9		Nghệ thuật dẫn chương trình	2	0	60	X				3.1
10		Văn hoá kinh doanh	2	30	0	X				3.1
11		Du lịch văn hoá	2	30	0		X			3.1
12		Các di tích và danh thắng Việt Nam	2	30	0		X			3.1
13		Thực tế chuyên môn	2	0	60	X				3.2
14		Quản lý các thiết chế văn hoá	2	0	60	X				3.2
15		Nhạc lý cơ bản	2	30	0	X				3.2
16		Âm nhạc cổ truyền Việt Nam	2	30	0	X				3.2

17		Gây quỹ và tìm tài trợ	2	0	60		X			3.2
18		Marketing văn hoá nghệ thuật	2	0	60		X			3.2
19		Công nghiệp điện ảnh	2	30	0	X				3.3
20		Quản lý hoạt động ca múa nhạc	2	0	60		X			3.3
21		Thanh nhạc	2	0	60		X			3.3
22		Quản lý hoạt động tuyên truyền - quảng cáo	2	0	60		X			3.3
23		Điều tra và dự đoán thị trường văn hoá	2	0	60		X			3.3
24		Giới và văn hoá gia đình	2	30	0	X				4.1
25		Nghệ thuật biểu diễn	2	30	0	X				4.1
26		Quan hệ công chúng	2	30	0	X				4.1
27		Nghiệp vụ thư kí	2	0	60		X			4.1
28		Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	0	60		X			4.1
29		Thiết kế và điều hành tour du lịch	2	0	60		X			4.1
30		Kịch bản phát thanh truyền hình	2	0	60		X			4.1
31		Nghiệp vụ biên tập	2	0	60		X			4.2
32		Văn hoá mỹ thuật	2	0	60		X			4.2
33		Truyền thông đại chúng	2	30	0	X				4.2
34		Tổ chức sự kiện	2	0	60	X				4.2
35		Biên tập và dàn dựng chương trình Văn hóa Nghệ thuật	2	0	60		X			4.2
36		Quản lý các hoạt động thể dục thể thao	2	0	60		X			4.2
37		Kỹ năng biên tập và dàn dựng chương trình tuyên truyền cổ động	2	0	60		X			4.2
38		Xây dựng và quản lý dự án Văn hoá Nghệ thuật	2	0	60		X			4.2
39		Khởi nghiệp trên nền tảng văn hóa nghệ thuật Việt Nam	2	0	60		X			4.2
<b>Tổng cộng</b>			<b>78</b>	<b>510</b>	1320					
<b>7.4: Báo cáo tốt nghiệp: 5 TC (Bắt buộc: 5 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>										

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều Kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Báo cáo tốt nghiệp	5	0	150	X				4.3
<b>Tổng cộng</b>			<b>5</b>	<b>0</b>	<b>150</b>					
<b>7.5: Thực tập nghề nghiệp tại cơ sở, doanh nghiệp: 5 TC (Bắt buộc: 5 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>										
ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Loại HP		Điều Kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành	
1		Thực tập cơ sở	2	0	60	X				3.3
2		Thực tập tốt nghiệp	3	0	90	X				4.3
<b>Tổng cộng</b>			<b>5</b>	<b>0</b>	<b>150</b>					

## 8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

**Học kỳ I (1.1): 10 TC (Bắt buộc: 10 TC + Tự chọn: 0 TC)**

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/ Tự chọn
				L T	T H		
1		Nhập môn ngành Công nghiệp Văn hoá	2	2	0		BB
2		Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	0		BB
3		Tâm lý học nghệ thuật	2	2	0		BB
4		Quản lý học	2	2	0		BB
5		Phong tục và lễ hội	2		2		BB
<b>Tổng cộng</b>			<b>10</b>	<b>8</b>	<b>2</b>		

**Học kỳ II (1.2): 14 TC (Bắt buộc: 14 TC + Tự chọn: 0 TC)**

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/ Tự chọn
				L T	T H		
1		Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	0		BB
2		Giáo dục thể chất	2	2	0		BB

3		Xử lý ảnh Photoshop	3	0	3		BB
4		Các vùng văn hoá và văn hoá các tộc người Việt Nam	2	2	0		BB
5		Điền dã di sản văn hoá	2	0	2		BB
6		Biểu tượng học	2	2	0		TC
7		Luật sở hữu trí tuệ	2	2	0		TC
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>11</b>	<b>5</b>		
<b>Học kỳ III (1.3): 10 TC (Bắt buộc: 10 TC + Tự chọn: 0 TC)</b>							
ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/ Tự chọn
				L T	T H		
1		Giáo dục quốc phòng an ninh	5	5	0		BB
2		Thực hành giáo dục quốc phòng an ninh	3	0	3		BB
3		Văn hoá học đại cương	2	2	0		BB
<b>Tổng cộng</b>			<b>10</b>	<b>7</b>	<b>3</b>		
<b>Học kỳ IV (2.1): 11 TC (Bắt buộc: 11 TC + Tự chọn: 0 TC)</b>							
ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/ Tự chọn
				L T	T H		
1		Tư duy biện luận ứng dụng	2	2	0		BB
2		Kinh tế học phát triển	2	2	0		BB
3		Tài nguyên văn hoá Việt Nam	2	2	0		BB
4		Thiết kế vector Illustrator	3	0	3		BB
5		Hệ thống thông tin quản lý	2	2	0		BB
<b>Tổng cộng</b>			<b>11</b>	<b>8</b>	<b>3</b>		
<b>Học kỳ V (2.2): 14 TC (Bắt buộc: 10 TC + Tự chọn: 4 TC)</b>							
ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/ Tự chọn
				L T	T H		
1		Thực hành Giáo dục thể chất	3	0	3		BB
2		Triết học Mác – Lênin	3	3	0		BB
3		Lịch sử văn hoá Việt Nam	2	2	0		BB
4		Nghệ thuật học	2	2	0		BB
5		Dân tộc học	2	2	0		TC
6		Công tác xã hội	2	2	0		TC
7		Nhiếp ảnh	2	0	2		TC
8		Biên tập và kỹ xảo phim	2	0	2		TC
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>13</b>	<b>3</b>		

<b>Học kỳ VI (2.3): 10 TC (Bắt buộc: 6 TC + Tự chọn: 4 TC)</b>							
ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/ Tự chọn
				L T	T H		
1		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0		BB
2		Quản lý nhà nước về văn hoá	2	2	0		BB
3		Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	2	2	0		BB
4		Văn hoá dân gian Việt Nam	2	2	0		TC
5		Văn hoá đô thị Việt Nam	2	2	0		TC
6		Văn hoá ẩm thực	2	2	0		TC
7		Văn hoá Nam Bộ	2	2	0		TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>0</b>		
<b>Học kỳ VII (3.1): 14 TC (Bắt buộc: 12 TC + Tự chọn: 2 TC)</b>							
ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/ Tự chọn
				L T	T H		
1		Những vấn đề kinh tế - xã hội Đông Nam Bộ	2	2	0		BB
2		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0		BB
3		Xây dựng đời sống văn hoá cộng đồng	2	0	2		BB
4		Quản lý di sản văn hoá	2	0	2		BB
5		Nghệ thuật dẫn chương trình	2	0	2		BB
6		Văn hoá kinh doanh	2	2	0		BB
7		Du lịch văn hoá	2	2	0		TC
8		Các di tích và danh thắng Việt Nam	2	2	0		TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16</b>	<b>10</b>	<b>6</b>		
<b>Học kỳ VIII (3.2): 12 TC (Bắt buộc: 10 TC + Tự chọn: 2 TC)</b>							
ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/ Tự chọn
				L T	T H		
1		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		BB
2		Thực tế chuyên môn	2	0	2		BB
3		Quản lý các thiết chế văn hoá	2	0	2		BB
4		Nhạc lý cơ bản	2	2	0		BB
5		Âm nhạc cổ truyền Việt Nam	2	2	0		BB
6		Gây quỹ và tìm tài trợ	2	0	2		TC
7		Marketing văn hoá nghệ thuật	2	0	2		TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14</b>	<b>6</b>	<b>8</b>		

<b>Học kỳ IX (3.3): 8 TC (Bắt buộc: 6 TC + Tự chọn: 2 TC)</b>							
ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/ Tự chọn
				L T	T H		
1		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0		BB
2		Thực tập cơ sở	2	0	2		BB
3		Công nghiệp điện ảnh	2	2	0		BB
4		Quản lý hoạt động ca múa nhạc	2	0	2		TC
5		Thanh nhạc	2	0	2		TC
6		Quản lý hoạt động tuyên truyền - quảng cáo	2	0	2		TC
7		Điều tra và dự đoán thị trường văn hoá	2	0	2		TC
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>4</b>	<b>10</b>		
<b>Học kỳ X (4.1): 12 TC (Bắt buộc: 6 TC + Tự chọn: 6 TC)</b>							
ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/ Tự chọn
				L T	T H		
1		Giới và văn hoá gia đình	2	2	0		BB
2		Nghệ thuật biểu diễn	2	2	0		BB
3		Quan hệ công chúng	2	2	0		BB
4		Nghiệp vụ thư kí	2	0	2		TC
5		Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	0	2		TC
6		Thiết kế và điều hành tour du lịch	2	0	2		TC
7		Kịch bản phát thanh truyền hình	2	0	2		TC
8		Nghiệp vụ biên tập	2	0	2		TC
9		Văn hoá mỹ thuật	2	0	2		TC
<b>Tổng cộng</b>			<b>18</b>	<b>6</b>	<b>12</b>		
<b>Học kỳ XI (4.2): 10 TC (Bắt buộc: 4 TC + Tự chọn: 6 TC)</b>							
ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/ Tự chọn
				L T	T H		
1		Truyền thông đại chúng	2	2	0		BB
2		Tổ chức sự kiện	2	0	2		BB
3		Biên tập và dàn dựng chương trình Văn hóa Nghệ thuật	2	0	2		TC
4		Quản lý các hoạt động thể dục thể thao	2	0	2		TC
5		Kỹ năng biên tập và dàn dựng chương trình tuyên truyền cô động	2	0	2		TC

6		Xây dựng và quản lý dự án Văn hoá Nghệ thuật	2	0	2		TC
7		Khởi nghiệp trên nền tảng văn hóa nghệ thuật Việt Nam	2	0	2		TC
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>2</b>	<b>12</b>		
<b>Học kỳ XII (4.3): 8 TC (Bắt buộc: 8 TC + Tự chọn: 0 TC)</b>							
ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Mã HP học trước/tiên quyết	Bắt buộc/ Tự chọn
				L T	T H		
1		Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		BB
2		Báo cáo tốt nghiệp	5	0	5		BB
<b>Tổng cộng</b>			<b>8</b>	<b>0</b>	<b>8</b>		

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. NGÔ HỒNG DIỆP**



## **2. Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực; Phân tích đánh nhu cầu nguồn nhân lực ngành đào tạo**

Đất nước ta đang tiếp tục quá trình đổi mới toàn diện, hội nhập quốc tế sâu rộng. Bối cảnh hoạt động của lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật đang chứng kiến những thay đổi mang tính cách mạng. Thực tiễn trên đã đặt ra những yêu cầu mới đối với đội ngũ những người làm văn hóa nói chung, các nhà QLVH nói riêng. Họ cần được trang bị những kiến thức, kỹ năng quản lý hiện đại để có thể hoạt động một cách hiệu quả trong điều kiện mới.

Đào tạo ngành QLVH ở bậc đại học đã chính thức được Bộ Giáo dục – đào tạo phê duyệt từ năm 2005. Đến nay, ngành đã được quan tâm đầu tư một cách chuyên nghiệp, hệ thống, từ bậc cao đẳng, đại học đến thạc sĩ, tiến sĩ, được thực hiện ở nhiều cơ sở đào tạo khắp cả nước. Chương trình đào tạo cũng như những giáo trình đầu tiên của ngành đã được xây dựng cách đây khoảng 10 năm. Qua thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, kiểm nghiệm kết quả công tác của sinh viên sau khi ra trường, cho thấy một thực tế là cần tiếp tục đổi mới toàn diện hoạt động đào tạo ngành QLVH để có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của ngành nghề, xã hội.

Bên cạnh đó, đổi mới đào tạo ngành QLVH không nằm ngoài bối cảnh chung của chủ trương đổi mới giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học Việt Nam hiện nay. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của đào tạo đại học, gắn đào tạo với nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, với tiến bộ khoa học công nghệ, phấn đấu đạt ngang tầm khu vực đang là nhiệm vụ của toàn ngành giáo dục, đào tạo, trong đó có đào tạo văn hóa. Điều này được thực hiện theo Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII về định hướng chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhiệm vụ đến năm 2020. Chiến lược phát triển giáo dục của Chính phủ đã xác định mục tiêu đào tạo của giáo dục đại học là: ”Đào tạo ra những con người có năng lực sáng tạo, tư duy độc lập, trách nhiệm công dân, đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp, năng lực ngoại ngữ, kỹ luật lao động, tác phong công nghiệp, năng lực tự tạo việc làm và khả năng thích ứng với những biến động của thị trường lao động...”<sup>1</sup>.

Những chính sách trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ngành văn hóa nói chung và quản lý văn hóa nói riêng tại Việt Nam đã và đang đem đến những biến đổi tích cực, phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng và phát triển văn hóa của đất nước. Tuy vậy, thực trạng thi hành các chính sách đó tại một số cơ sở đào tạo văn hóa còn chưa thực sự hiệu quả, bên cạnh những mặt khả quan, còn nhiều những vấn đề cần lưu tâm. Với những biến đổi to lớn của đất nước, của thị trường lao động hiện nay, cần thiết phải có sự đánh giá, xem xét lại, cần có những kiến nghị và giải pháp cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng đầu ra của sinh viên ngành quản lý trong thời kỳ mới.

Nhận thức sâu sắc về việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới, trong những năm qua, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã thực hiện nhiều giải

---

<sup>1</sup> Nguyễn Thanh Xuân, *Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức nghệ thuật biểu diễn công lập trên địa bàn Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội, 2017, tr.5.

pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, như: Cập nhật chương trình, giáo trình đào tạo theo hướng hiện đại, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn giảng, chú trọng giáo dục cho sinh viên những kỹ năng mềm về giao tiếp, xử lý tình huống, ngoại ngữ, tin học, khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học,...

Thực tế khảo sát, tính đến thời điểm hiện nay, ngành Quản lý Văn hóa được đào tạo chính quy tại tỉnh Bình Dương chỉ mới được đào tạo ở bậc Trung cấp chuyên nghiệp (trường Trung cấp Mỹ thuật Văn hóa hiện đang vẫn duy trì đào tạo hệ trung cấp và hệ đại học tại chức; tính đến năm 2020, hệ trung cấp đào tạo được 60 học sinh; hệ đại học tại chức 2 khóa năm 2015 là 70 sinh viên là công chức viên chức)<sup>2</sup>; Riêng bậc Đại học chính quy ngành Quản lý Văn hóa thì vẫn chưa có. Việc đào tạo nghề còn gặp nhiều khó khăn, do đó, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế. Để đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực hiện nay tỉnh Bình Dương đã có nhiều biện pháp thu hút lao động từ các tỉnh trong cả nước, điều này cũng đã tạo một áp lực rất lớn đối với Bình Dương trong quá trình đảm bảo tình hình ổn định chính trị xã hội.

Trên cơ sở kết quả khảo sát tổ soạn thảo tiến hành khảo sát kết quả đã tốt nghiệp ngành Quản lý văn hóa bậc Trung cấp chuyên nghiệp và bậc Đại học tại chức tại trường Trung cấp Mỹ Thuật Văn hóa và song song đó tiến hành khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực có kết quả 20 phiếu, các đơn vị khảo sát trong tỉnh và các tỉnh bạn đều có nhu cầu tuyển dụng ngành Quản lý Văn hóa.

Bước sang TK XXI, vai trò của văn hóa trong xây dựng, phát triển đất nước ngày một nâng cao. Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách phát triển văn hóa, con người Việt Nam gắn với yêu cầu phát triển bền vững của đất nước, trong đó, vấn đề nguồn nhân lực cho văn hóa được đặc biệt quan tâm; Chính phủ đã ban hành các chính sách, cơ chế mới khuyến khích phát triển đào tạo nhân lực, trong đó tập trung vào những chính sách về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển văn hóa hiện nay là “đào tạo nguồn nhân lực về văn hóa, nghệ thuật; tăng cường nguồn lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật cho phát triển văn hóa”<sup>3</sup>. Chúng ta đã bước đầu phân tích, đánh giá được tình hình nguồn nhân lực cho văn hóa và thực hiện xây dựng những kế hoạch dài hạn cho phát triển nhân lực như Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực cho nhóm ngành văn hóa, thể thao giai đoạn 2011 – 2020, Đề án Xây dựng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020 và Đề án Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011 - 2020. Trong đó, “việc xây dựng đội ngũ trí thức là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, làm cho đội ngũ cán bộ thực sự có đủ đức, đủ sức, đủ tài, giữ vai trò nòng cốt cho sự phát triển”<sup>4</sup>.

<sup>2</sup> Số liệu được cung cấp của trường Trung cấp Mỹ thuật Văn hóa tỉnh Bình Dương

<sup>3</sup> Chiến lược Phát triển văn hóa đến năm 2020, ban hành kèm theo Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 6-5-2009 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>4</sup> Đề án Xây dựng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020, ban hành kèm theo Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 24-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở, phổ thông trung học và dạy nghề, giáo dục đại học đều có chính sách, cơ chế tổ chức giáo dục về văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao mang tính chuyên ngành hoặc lồng ghép trong các chương trình giáo dục, đào tạo khác. Nhiều đề án đào tạo đội ngũ nhân lực văn hóa nghệ thuật được xây dựng và thực thi.

Nhà nước đã có nhiều chính sách khuyến khích và thúc đẩy tăng nhanh quy mô đào tạo nhân lực, trong đó có nhân lực ngành văn hóa, ở tất cả các cấp trình độ đào tạo; từng bước điều chỉnh những bất hợp lý trong cơ cấu đào tạo và cơ cấu nhân lực; tăng quy mô đào tạo ở nước ngoài bằng nhiều nguồn hỗ trợ kinh phí; tăng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo nói chung và giáo dục đào tạo về văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao nói riêng.

Ngoài ra, chúng ta đã xây dựng được các chính sách định hướng tập trung hiện đại hóa cơ sở đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực nhóm ngành văn hóa, thể thao, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị, tăng cường năng lực đào tạo, nghiên cứu; tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức nhân lực khoa học công nghệ, đội ngũ giáo viên, doanh nhân và ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa nghệ thuật là đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Ngành QL VH thuộc nhóm khoa học xã hội với sự liên kết liên ngành. Ngoài phần kiến thức đại cương theo quy định chung, thì cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế một cách hợp lý. Một số chuyên ngành thuộc nhóm nghệ thuật có tính đặc thù như: âm nhạc, sân khấu, mỹ thuật, múa, tổ chức sự kiện... rất cần được quan tâm, là yêu cầu đặt ra cho công tác quản lý. Đào tạo cử nhân ngành QL VH đáp ứng nhu cầu xã hội cần có một hệ thống giải pháp mang tính đồng bộ, có mối liên hệ biện chứng chặt chẽ với nhau. Nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đã đang và sẽ được nhà nước và nhân dân quyết tâm xây dựng. Trên cơ sở đó ngành Quản lý văn hóa đang được đầu tư quan tâm phát triển và có nhu cầu nguồn nhân lực lớn trong những năm gần đây. Chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Quản lý văn hóa để quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động văn hóa nghệ thuật trong khu vực nhà nước và ngoài nhà nước, đáp ứng nhu cầu xây dựng phát triển nền văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. Như vậy, có thể thấy mục tiêu đào tạo của chương trình mới có nhiều khác biệt với mô hình đào tạo cán bộ văn hóa của khoa và nhà trường trước đây. Với chương trình đào tạo này, sinh viên tốt nghiệp có thể công tác tại nhiều loại hình cơ quan và tổ chức văn hóa nghệ thuật khác nhau: từ các tổ chức quản lý nhà nước về văn hóa, các cơ quan hành chính, sự nghiệp về văn hóa, các quỹ văn hóa đến các tổ chức văn hóa nghệ thuật tư nhân và phi chính phủ, các tổ chức văn hóa cộng đồng và các tổ chức văn hóa thuộc các tổ chức chính trị xã hội khác. Sinh viên sẽ được trang bị những tri thức và kỹ năng cần thiết để thực thi nghề quản lý văn hóa nghệ thuật, nghề tổ chức, điều hành, thực hiện và đánh giá các hoạt động văn hóa nghệ thuật trong xã hội.

Quản lý văn hóa là một ngành khoa học non trẻ nhưng đang trên đà phát triển mạnh mẽ. Nhu cầu có một đội ngũ các nhà quản lý văn hóa chuyên nghiệp đang là vấn đề nóng bỏng của nhiều quốc gia trên thế giới. Chính vì vậy, các khóa đào tạo đại học và sau đại

học về quản lý văn hóa ở nhiều nước hiện có sức hút mạnh mẽ đối với sinh viên. Ở Việt Nam, việc phát triển đào tạo về quản lý văn hóa cũng là một nhu cầu cấp thiết và là xu thế tất yếu của xã hội.

Đứng trước những thay đổi nhanh chóng của thời đại, nắm bắt được tinh thần chỉ đạo và chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho ngành văn hóa nói riêng và quản lý văn hóa nói chung, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã kịp thời nhanh chóng đổi mới, phát triển, hòa mình vào xu thế phát triển chung của các cơ sở đào tạo ngành văn hóa trong cả nước. Hiện nay, trường được đánh giá là một trong những cơ sở đào tạo có cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học tốt nhất trong khối ngành văn hóa. Những năm gần đây, trường liên tục đầu tư mạnh về xây dựng cảnh quan, khuôn viên, môi trường học tập. Các trang thiết bị giảng dạy, học tập trên lớp được hoàn thiện, bổ sung. Các phòng học được trang bị máy chiếu, hệ thống loa đài, micro, một số khu vực đã lắp đặt điều hòa, toàn bộ khuôn viên trường được phủ sóng wifi. Hệ thống phòng học nghệ thuật đặc thù được xây dựng, trang bị đầy đủ. Hệ thống thư viện được mở rộng và hiện đại hóa, tạo môi trường học tập thoải mái, năng động và tích cực. Hệ thống chương trình khung các chuyên ngành ở các trình độ được xây dựng và áp dụng thống nhất, yêu cầu đặc thù trong đào tạo quản lý văn hóa nghệ thuật từng bước được đáp ứng.

Khoa Công nghiệp Văn hóa cũng đã hoàn thiện chương trình môn học, thực hiện liên kết với các tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài, khuyến khích giảng viên và sinh viên thực hiện các khóa học, giao lưu trao đổi đào tạo tại nước ngoài. Với quan niệm “đội ngũ giảng viên là điều kiện tiên quyết cho mọi đổi mới, đồng thời là yếu tố quyết định cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo”<sup>5</sup>, khoa ngày càng chú trọng tăng cường đội ngũ về số lượng và trình độ chuyên môn, nhiều giảng viên được đào tạo bài bản tại nước ngoài, có trình độ ngoại ngữ, chuyên môn cao. Ngoài trình độ, sự đam mê cống hiến của các thể hệ giảng viên trong đào tạo, bồi dưỡng là yếu tố mang tính quyết định. Trong nhiều năm đào tạo, ngành quản lý văn hóa đã đào tạo được các thể hệ sinh viên năng động, đạt nhiều thành tích về học tập, hoạt động văn hóa, văn nghệ, có khả năng thích ứng tốt với nhu cầu việc làm của xã hội.

Tuy nhiên, việc thực hiện cơ chế chính sách, phát triển đào tạo vẫn còn những hạn chế: Thiếu những quy định và cơ chế phối hợp, liên kết giữa cơ quan quản lý với tổ chức đào tạo và cơ sở sử dụng nhân lực ngành quản lý văn hóa. Tại Việt Nam, thường xuyên xảy ra tình trạng các cơ sở đào tạo nhân lực thể hiện sự độc quyền, chưa gắn với nhu cầu xã hội còn phổ biến. Việc đào tạo vẫn theo lối mòn, thiếu tính cập nhật, thiếu sự gắn kết với tình hình mới, với các cơ sở sử dụng nhân lực. Chương trình chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn, còn thiếu kỹ năng thực hành, nặng về lý thuyết là chính.

Cạnh tranh trong đào tạo nhân lực quản lý văn hóa đang trở thành vấn đề với các nhà quản lý, nhất là khi số lượng sinh viên đăng ký theo học đang có chiều hướng chững lại trong khi các cơ sở đào tạo quản lý văn hóa lại liên tục gia tăng. Chất lượng đào tạo chưa thực sự đảm bảo, chưa thực hiện được vai trò định hướng đào tạo, liên kết giữa đào tạo cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sử dụng nhân lực mới của ngành cũng là

---

<sup>5</sup> Phạm Bích Huyền, *Đổi mới đào tạo ngành quản lý văn hóa*, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 399, tháng 9-2017.

một vấn đề bức thiết. Bên cạnh đó, chúng ta cũng chưa có hệ thống thông tin đầy đủ và chính xác về thị trường lao động làm cơ sở để quản lý các hoạt động đào tạo nghề nghiệp...

Những năm gần đây, ngành quản lý văn hóa theo xu thế tập trung khuyến khích tăng nhanh quy mô đào tạo nhân lực nhóm ngành văn hóa mà chưa quan tâm cải thiện cơ cấu, nâng cao trình độ, chất lượng đào tạo. Do tăng quá nhanh quy mô đào tạo, mở thêm nhiều chuyên ngành mới cho phù hợp với nhu cầu thị trường trong thời gian ngắn, nên có những lúc chưa thực sự đảm bảo kịp thời các yếu tố về nhân lực giảng dạy, chương trình môn học. Nhiều môn học vẫn mời giảng viên thỉnh giảng từ bên ngoài. Số lượng sinh viên lớn gây áp lực không nhỏ lên giảng viên trong khi trợ cấp, đãi ngộ, lương cho giảng viên chưa được cải thiện nhiều.

Chương trình đào tạo của ngành quản lý văn hóa tại Khoa Công nghiệp Văn hóa là đã hoàn thành. Chương trình vẫn đảm bảo được tính khoa học, hợp lý, song đã không còn thực sự cập nhật. Nội dung chương trình đào tạo của khoa sử dụng cũng đã lâu chưa có thay đổi đáng kể, các môn học thực hành còn ít, số lượng các tiết thực hành chưa nhiều trong khi nhu cầu thị trường việc làm hiện nay cần có những lao động làm nghề thực sự, chứ không phải lý thuyết suông. Các môn ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm còn chưa được sinh viên đặc biệt chú tâm trong khi đó lại là những kỹ năng hết sức cần thiết cho công việc trong tương lai.

Việc tuyên truyền, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên những năm qua còn nhiều thiếu sót. Nhận thức về giá trị nghề nghiệp, hứng thú với nghề nghiệp của sinh viên chưa cao. Nhiều sinh viên chưa thực sự yêu thích nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành đào tạo mặc dù ngành quản lý văn hóa là đối tượng tiếp cận được nhiều lựa chọn ngành nghề khác nhau.

Để làm tốt công tác đào tạo ngành quản lý văn hóa, cần làm tốt từ khâu đầu vào - công tác tuyển sinh: đảm bảo chất lượng từ đầu vào cho ngành. Không chạy theo việc mở rộng số lượng tuyển sinh mà nên ổn định lại số lượng để tiến tới việc đào tạo chất lượng.

Tăng cường công tác truyền thông trên các phương tiện thông tin, quảng bá về ngành học, cơ sở đào tạo, về chương trình đào tạo, cơ hội việc làm cho sinh viên một cách tích cực để thu hút người học. Mở rộng các kênh kết nối như website, facebook, hòm thư điện tử, cung cấp thêm các thông tin về đào tạo, tư vấn trực tuyến các chương trình, khóa học không chỉ với sinh viên của khoa mà với nhiều đối tượng người muốn theo học hay tìm hiểu về khoa.

Về tăng cường năng lực cho đội ngũ giảng viên: đảm bảo số lượng giảng viên cân đối với số lượng sinh viên, môn học, chuyên ngành đào tạo. Tích cực tăng cường công tác bồi dưỡng giảng viên, nhất là các giảng viên trẻ, lực lượng kế cận. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các giảng viên được giao lưu, tiếp xúc cả về việc học tập lẫn nghiên cứu khoa học với các cơ sở liên kết trong và ngoài nước. Lên kế hoạch về việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, làm rõ về chất lượng, số lượng, cơ cấu, trình độ để có chiến lược phát triển cho phù hợp. Phát huy tối đa nguồn nhân lực đã có, điều phối lại các bộ môn

sao cho phù hợp nhất với chuyên ngành đào tạo và năng lực của mỗi giảng viên. Tự bản thân mỗi giảng viên cần cố gắng tự học hỏi, rèn luyện, tiến tới mục tiêu các giảng viên trong khoa đều có trình độ tiến sĩ, tăng cường áp dụng các tiết dạy thực hành nghề nghiệp đối với môn học của mình, tăng cường các phương pháp giảng dạy hiện đại, trực quan, bám sát nội dung giảng dạy với thực tiễn đời sống. Bên cạnh đó cần có thêm những đãi ngộ nâng cao chất lượng đời sống của giảng viên, khiến giảng viên có điều kiện tập trung tối đa cho giảng dạy và nghiên cứu.

Đổi mới chương trình, giáo trình, nội dung giảng dạy ngành quản lý văn hóa, vốn không còn cập nhật với tình hình mới. Xây dựng chương trình học mới cân đối giữa giờ thực hành và học lý thuyết, tăng các tiết học thực hành lên mức tối đa. Cần làm rõ và xác định lại mục tiêu của chương trình đào tạo cũ: “Chương trình đào tạo cử nhân ngành quản lý văn hóa nhằm đáp ứng đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ cho người học để thực hiện việc tổ chức, quản lý các hoạt động văn hóa nghệ thuật tại các tổ chức, đơn vị”. Nên chăng, cần thiết kế lại mục tiêu đào tạo nhằm đào tạo những người có khả năng thực hành nghề nghiệp chứ không chỉ là những nhà quản lý về văn hóa. Cập nhật, mở thêm một số chuyên ngành mới cho phù hợp với nhu cầu thị trường hiện nay, ví dụ như chuyên ngành marketing văn hóa nghệ thuật, quản trị văn hóa doanh nghiệp.

Trong bối cảnh hiện nay, những thay đổi mạnh mẽ của thời đại tác động không nhỏ đến việc hình thành nguồn nhân lực, chất lượng nguồn nhân lực, đầu ra cho nguồn nhân lực của ngành quản lý văn hóa. Điều đó đặt ra vấn đề phải tiến hành tích cực đổi mới, đưa ra các giải pháp phù hợp nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực ngành quản lý văn hóa, đáp ứng nhu cầu mới về nhân lực hiện nay của xã hội.

### **3. Báo cáo tổng hợp ý kiến của những cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động**

Trong những năm gần đây, hệ thống cơ sở đào tạo nguồn nhân lực văn hóa ở nước ta có sự gia tăng mạnh mẽ. Tính đến nay, cả nước đã có hàng chục cơ sở đào tạo, trong đó cơ sở có kinh nghiệm lâu năm, quy mô lớn như: Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam, Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học Văn hóa TP.HCM, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Nhạc viện TP.HCM, Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội, Đại học Sân khấu Điện ảnh TP.HCM, Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Bình Dương (nay là Trung cấp Mỹ thuật Văn hóa Bình Dương)... Bên cạnh đó, hệ thống trường cao đẳng, trung cấp đào tạo ngành văn hóa nghệ thuật thuộc các địa phương cũng được mở rộng. Các cơ sở đào tạo đã cung cấp cho xã hội một đội ngũ cán bộ văn hóa hùng hậu, phục vụ đắc lực cho quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Hiện nay, trong hệ thống giáo dục chuyên nghiệp, giáo dục đại học ngành, chuyên ngành QLVH có 5 bậc học: trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, cao học, nghiên cứu sinh. Đào tạo trong lĩnh vực QLVH cần đảm bảo người học vừa có kiến thức rộng về văn hóa để làm nghiệp vụ chuyên môn, vừa phải có kiến thức sâu về đường lối chính sách văn hóa của Đảng và Nhà nước để thực hiện công tác thông tin tuyên truyền. Đây là nhiệm vụ đòi hỏi các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực QLVH cần đặc biệt quan tâm, chú

trọng. Trước yêu cầu thực tiễn của đời sống tinh thần, sự kỳ vọng của xã hội thì hệ thống cơ sở đào tạo nguồn nhân lực QLVH ở Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế.

Trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực QLVH, hệ thống các cơ sở đào tạo trong nước đóng vai trò chính yếu. Phần lớn đội ngũ cán bộ văn hóa đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị cơ sở được đào tạo từ các trường, viện văn hóa trong nước, số lượng được đào tạo ở nước ngoài không đáng kể. Các bậc đào tạo từ trung cấp đến nghiên cứu sinh đã có sự phát triển và hoàn thiện đáng kể, thu hút hàng nghìn học viên mỗi năm.

Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch nay là trường Trung cấp Mỹ Thuật Văn hóa là cơ sở đào tạo cán bộ QLVH của tỉnh Bình Dương tính cho đến thời điểm hiện tại năm 2022. Từ những năm 1980 là những lớp trung cấp bồi dưỡng Nghiệp vụ Văn hóa dành cho các công chức viên chức đang làm việc tại các phòng Văn hóa huyện thị xã. Đến năm 2005 và 2012 trường mở 2 lớp Đại học tại chức, với gần 200 học viên vừa là cán bộ học bổ sung văn bằng, vừa là những bạn từ trung cấp. Lớp Trung cấp Quản lý văn hóa hằng năm đều tuyển sinh nhưng số lượng không nhiều, từ năm 2005 đến nay chưa được 100 học viên.

Kết quả khảo sát các đơn vị sử dụng và nhân lực quản lý văn hóa đã được học qua chuyên ngành quản lý văn hóa, đã, đang thực hiện những nhiệm vụ, vị trí công việc của mình được đào tạo đúng chuyên ngành, từ đó sự đam mê công việc và cống hiến công việc hiệu quả hơn. Những học viên đã được đào tạo chuyên ngành Quản lý văn hóa, các anh chị đã và đang có những vị trí phù hợp với chính ngành mình được đào tạo.

Những năm qua, công tác phát triển nhân lực quản lý nhà nước của ngành Văn hóa, thể thao và du lịch đã được quan tâm, đạt nhiều kết quả, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Tuy nhiên, nhân lực quản lý của ngành vẫn còn có những bất cập, hạn chế như thiếu tính chuyên nghiệp, không đủ nhân lực có kỹ năng nghề và trình độ chuyên môn cao, trình độ quản lý còn yếu, còn có những bất hợp lý trong quản lý và sử dụng nhân lực, đào tạo phát triển nhân lực chưa gắn với thực tiễn..., nên đội ngũ nhân lực quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu phát triển văn hóa, thể thao và du lịch theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

Về các đơn vị liên quan đến ngành quản lý văn hóa như Thư viện, Trung tâm xúc tiến du lịch, Bảo tàng, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật là những đơn vị luôn cần có lực lượng viên chức chuyên ngành quản lý văn hóa. Công chức viên chức hiện nay, số đang thực hiện chuyên môn cũng thật sự chưa đáp ứng đủ nên việc đào tạo chuyên ngành quản lý văn hóa là một nhu cầu hết sức cần thiết.

Để khơi dậy và phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững thì việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ văn hóa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi đây là một trong những nhân tố quan trọng góp phần vào việc định hướng, tổ chức và huy động sức sáng tạo trong nhân dân, cùng với các nguồn lực khác hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Trong những năm qua, với sự quan tâm, đầu tư của Đảng, Nhà nước, đội ngũ cán bộ văn hóa các cấp không ngừng được bổ sung, gia tăng về số lượng lẫn chất lượng; bộ máy quản lý văn hóa từ trung ương đến địa phương được kiện toàn, tạo mạng lưới cán bộ văn hóa rộng khắp trên mọi miền, giúp cho lĩnh vực văn hóa, nhất là đời sống văn hóa tinh thần của người dân ngày càng phong phú đa dạng. Đội ngũ cán bộ văn hóa có tâm, có tầm, có trách nhiệm đã có những đóng góp quan trọng vào việc khai thông, “mở đường” phát triển văn hóa.

Chính vì những sự quan tâm cũng như nhu cầu nguồn nhân lực quản lý văn hóa, nên ngành Quản lý Văn hóa sẽ là một ngành đáp ứng được và đủ những nhân viên, viên chức, công chức quản lý văn hóa trong tương lai.